

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN
PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 249 /BC-BVĐKVP
V/v Báo cáo, đánh giá công tác an
toàn tiêm chủng

Long Hương, ngày 30 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Y tế - Phòng Nghiệp vụ Y;
- Ủy Ban Nhân dân phường Long Hương (Phòng Văn hóa - Xã hội);
- Giám đốc BVĐK Vạn Phước và các khoa/phòng/bộ phận.

- Thực hiện công văn số 13539/SYT-NVY ngày 22/09/2026 của Sở Y tế TP Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá công tác an toàn tiêm chủng tại các cơ sở tiêm chủng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;
 - Thực hiện Kế hoạch số 11184/KH-SYT ngày 22 tháng 8 năm 2026 về việc kiểm tra, đánh giá công tác an toàn tiêm chủng tại các cơ sở tiêm chủng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;
 - Căn cứ Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng bệnh, Nghị định số 90/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, Thông tư số 13/2026/TT-BYT ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng và các hướng dẫn chuyên môn có liên quan;
 - Giám đốc BVĐK Vạn Phước chỉ đạo các khoa/phòng bộ phận thực hiện tự đánh giá công tác an toàn tiêm chủng theo bảng **Phụ lục 1** đính kèm công văn số 13539/SYT-NVY ngày 22/09/2026 của Sở Y tế TP Hồ Chí Minh:
1. Hoàn thành tự đánh giá và gửi kết quả tự rà soát, đánh giá theo Bảng đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn tiêm chủng theo công văn số 13539/SYT-NVY ngày 22/09/2026 của Sở Y tế TP Hồ Chí Minh.
 2. Bộ phận Văn thư gửi kết quả báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ Y) và gửi đồng thời về Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu (Phòng Văn hóa – Xã hội).

Nơi nhận:

- Sở Y tế - Phòng Nghiệp vụ Y;
 - Phòng VH-XH phường Long Hương;
 - GD BVĐK Vạn Phước;
 - Lưu: VT, P.KHTH;
- (Đính kèm: Phụ lục 1)



LÊ NGUYỄN QUẾ MINH

Phụ lục 1

BẢNG ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN TIÊM CHỦNG

I. THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

- Tên cơ sở tiêm chủng: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHƯỚC**
- Địa chỉ: 42 Cách Mạng Tháng 8, Phường Long Hương, TP Hồ Chí Minh
- Người đứng đầu cơ sở: **LÊ NGUYỄN QUẾ MINH**
- Điện thoại: 02543739772 Email: **benhviendakhoavanphuoc@gmail.com**
- Loại hình hoạt động:

☒ Bệnh viện	☐ Phòng khám đa khoa	☐ Cơ sở tiêm chủng
☐ Trạm Y tế	☐ Phòng khám chuyên khoa	☐ Điểm y tế thuộc TYT
- Ngày công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng: 25/02/2019
- Ngày thông báo đáp ứng GSP: 20/06/2019
- Giấy phép hoạt động (đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh): 193/GPHĐ-BYT
- Hoạt động triển khai

☒ Tiêm chủng vắc xin thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng
☒ Tiêm chủng vắc xin ngoài Chương trình Tiêm chủng mở rộng
- Đối tượng triển khai

☒ Trẻ sơ sinh	☒ Phụ nữ có thai
☒ Trẻ em	☒ Người lớn

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

1. Nhân sự:

Công việc được giao phụ trách	Số lượng nhân sự	Số lượng đã tập huấn an toàn tiêm chủng	Trình độ chuyên môn (ghi số lượng)				Chứng chỉ hành nghề (ghi số lượng)			Ghi chú
			BS	YS	ĐD/ Hộ sinh	Khác	BS	YS	ĐD/ Hộ sinh	
Tiếp đón, hướng dẫn	02	0				x				
Khám sàng lọc, tư vấn	03	03	x	x			x			(**)
Tiêm vắc xin	03	03			x				x	(**)
Quản lý vắc xin	01	0				x				Được sĩ
Theo dõi sau tiêm và xử trí cấp cứu	03	03		x	x					(**)

Nhận xét: *P.TCKT-QTNS: Chuẩn bị hồ sơ về nhân sự của phòng tiêm chủng đầy đủ như bản trên*

Lưu ý: Nhân sự không đảm bảo về số lượng/trình độ chuyên môn hoặc chưa được tập huấn chuyên môn về tiêm chủng: ghi nhận vi phạm tiêu chí (**).

2. Tiêu chí đánh giá:

TT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
A	Cơ sở vật chất			
A1.	Bảng thông báo (thời gian tổ chức tiêm, các loại vắc xin hiện có tại cơ sở) cho người đi tiêm	x		
A2.	Quy trình/Sơ đồ hướng dẫn đi tiêm chủng	x		
A3.	Khu vực tiêm chủng phải bảo đảm che được mưa, nắng, kín gió, thông thoáng, vệ sinh sạch sẽ, gọn gàng, thoáng khí	x		(*)
A4.	Khu vực tiêm chủng được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ đón tiếp, hướng dẫn, tư vấn, khám sàng lọc, thực hiện tiêm chủng, theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng	x		(*)
A5.	Bảng tên từng khu vực	x		
A6.	Khu vực tiêm chủng đảm bảo các điều kiện vệ sinh, đủ ánh sáng	x		
A7.	Phòng tiêm có bồn nước rửa tay, xà phòng	x		
B	Trang thiết bị			
	Phòng/Bàn khám sàng lọc			
B1.	Ổng nghe	x		
B2.	Nhiệt kế đo thân nhiệt	x		
B3.	Bảng kiểm khám sàng lọc trước tiêm chủng theo từng đối tượng	x		(*)
B4.	Áp phích “Quy trình chỉ định và tư vấn trước tiêm vắc xin”	x		
	Phòng/Bàn tiêm			
B5.	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ đầy đủ, còn hạn sử dụng; Sơ đồ chẩn đoán và xử trí phản vệ theo Thông tư số 51/2017/TT-BYT (in khổ A1/A2) dán, treo ở vị trí phù hợp.	x		(*)
B6.	Bơm kim tiêm có đủ loại kích cỡ kim tiêm	x		
B7.	Khay/ mâm tiêm	x		
B8.	Hộp an toàn	x		
B9.	Dụng cụ chứa vỏ lọ vắc xin	x		
B10.	Dụng cụ, bao bì lưu chứa chất thải y tế phù hợp quy định về quản lý chất thải y tế (Theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT)	x		
B11.	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	x		
B12.	Bông gòn, cồn 70°, panh kẹp, ...	x		
B13.	Áp phích “Quy định về tiêm chủng” treo trước bàn tiêm (tối thiểu in khổ A2)	x		
	Phòng/nơi xử trí sự cố sau tiêm vắc xin			
B14.	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ đầy đủ, còn hạn sử dụng	x		(*)
B15.	Sơ đồ chẩn đoán và xử trí phản vệ theo Thông tư số 51/2017/TT-BYT (in khổ A1, A2) dán, treo ở vị trí phù hợp	x		(*)

TT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
B16.	Trang thiết bị cấp cứu phù hợp với đối tượng tiêm: bóngambu, mặt nạ, huyết áp kế, Oxy	x		
B17.	Thuốc cấp cứu theo quy định	x		
B18.	Giường bệnh	x		
B19.	Quy trình hướng dẫn xử trí sự cố bất lợi sau tiêm chủng tại khu vực theo dõi, xử trí	x		
B20.	Có phương án chuyển người bị tai biến nặng đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp khi vượt quá khả năng xử trí.	x		
C	Hồ sơ quản lý, báo cáo tiêm chủng			
C1.	Có sẵn sàng Phiếu/sổ tiêm chủng cá nhân cho người dân	x		
C2.	Báo cáo tình hình sử dụng vắc xin, sinh phẩm, vật tư tiêm chủng và kết quả tiêm chủng trong TCMR/TCDV (Thông tư số 13/2026/TT-BYT; mẫu số V-01 Phụ lục V; mẫu số V-02 Phụ lục V - QĐ 95/QĐ-BYT)	x		
C3.	Báo cáo các trường hợp phản ứng thông thường (mẫu số V-08 Phụ lục V - QĐ 95/QĐ-BYT); tai biến nặng và các báo cáo đột xuất sau tiêm chủng (mẫu số IV-02 Phụ lục IV - QĐ 95/QĐ-BYT) - (Thông tư số 13/2026/TT-BYT)	x		
C4.	Lưu danh sách đối tượng được tiêm mỗi ngày	x		
C5.	Quản lý, lưu trữ dữ liệu/ hồ sơ tiêm chủng và bảo mật theo quy định	x		
C6.	Các quy định, hướng dẫn chuyên môn về sử dụng vắc xin, sinh phẩm; bản phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên.	x		
C7.	Sổ theo dõi tiêm chủng (hoặc dữ liệu quản lý bằng công nghệ thông tin).	x		
C8.	Sổ theo dõi và các báo cáo định kỳ, đột xuất, báo cáo hằng ngày tại cơ sở.	x		
C9.	Hồ sơ về các sự cố bất lợi sau tiêm chủng.		x	
C10.	Bảng theo dõi nhiệt độ tủ lạnh bảo quản vắc xin (ghi chép ít nhất 2 lần/ngày)			
D	Thực hành an toàn tiêm chủng			
	Thực hành khám, tư vấn			
D1.	Sử dụng nhiệt kế để đo thân nhiệt	x		(*)
D2.	Sử dụng ống nghe để nghe tim phổi	x		(*)
D3.	Hỏi và khám về tình trạng sức khỏe	x		(*)
D4.	Hỏi về tiền sử phản ứng sau tiêm những lần tiêm trước	x		(*)
D5.	Hướng dẫn chăm sóc và tự theo dõi sau tiêm tại nhà	x		(*)
D6.	Hẹn tiêm lần sau theo lịch	x		
D7.	Kiểm tra ngẫu nhiên tối thiểu 5 hồ sơ/sổ tiêm chủng của trẻ từ 1-5 tuổi: các mũi tiêm do đơn vị thực hiện có đúng độ tuổi chỉ định theo lịch tiêm chủng hiện hành không?	x		
	Thực hành tiêm chủng và bảo quản vắc xin tại phòng tiêm			

TT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
D8.	Nhân viên y tế mặc đúng trang phục, phương tiện phòng hộ	x		
D9.	Bàn tiêm đủ dụng cụ và sắp xếp phù hợp, thuận tiện	x		
D10.	Không có bơm kim tiêm đã rút sẵn vắc xin chờ đối tượng đến tiêm	x		
D11.	Trang bị nhiệt kế tự ghi theo dõi nhiệt độ bảo quản vắc xin	x		(**)
D12.	Nhiệt độ bảo quản vắc xin khi mở cửa tủ/phích/hòm lạnh	x		(**)
	Có sử dụng phích vắc xin:			
D13.	Có sử dụng miếng mút và cấm lọ vắc xin đã mở lên miếng mút	x		
D14.	Sắp xếp vắc xin trong phích, hòm lạnh đúng quy định (không tiếp xúc trực tiếp bình tích lạnh)	x		(*)
	Có sử dụng tủ lạnh:			Không sử dụng tủ lạnh tại phòng tiêm
D15.	Tủ không có nước, bụi bẩn			(*)
D16.	Tủ không có nấm mốc			(**)
D17.	Có bảng theo dõi nhiệt độ, thiết bị ghi nhiệt độ tự động (data logger) cho mỗi tủ, có trích xuất và lưu trữ dữ liệu tự động hàng tuần). Có thiết bị cảnh báo tự động (như chuông, đèn và/hoặc tín hiệu) kịp thời về các sự cố, sai lệch về điều kiện bảo quản (Trường hợp bảo quản vắc xin qua đêm).			(*)
D18.	Bảng theo dõi nhiệt độ có được ghi: ít nhất 2 lần/ngày, 7 ngày/tuần			
D19.	Sổ lý lịch/nhật ký tủ			
D20.	Các chai nước dán nhãn không được uống/bình tích lạnh để ở cửa, ngăn dưới cùng của tủ			
D21.	Các lọ vắc xin lẻ để trong hộp/rổ, theo loại. Không vương vãi trong tủ			
D22.	Tất cả lọ vắc xin được xếp lên giá hoặc để trong giỏ đựng vắc xin			
D23.	Mỗi ngăn hoặc giỏ được dán danh mục tên vắc xin được bảo quản			
D24.	Sắp xếp mỗi loại vắc xin, dung môi nếu có theo loại, theo lô, hạn dùng			
D25.	Có khu vực bảo quản vắc xin ưu tiên sử dụng trước (vắc xin trả về từ buổi tiêm trước, VVM giai đoạn 2)			
D26.	Sắp xếp vắc xin và dung môi theo hàng, có khoảng trống ≥2cm để không khí lưu thông			
D27.	Đặt vắc xin và dung môi cách thành tủ 5 đến 8cm			
D28.	Sắp xếp vắc xin dễ hỏng với nhiệt độ cao gần nguồn lạnh			
D29.	Sắp xếp vắc xin dễ hỏng với nhiệt độ đông băng xa nguồn lạnh			
D30.	Xếp vắc xin có hạn dùng gần ra ngoài, hạn dùng xa đưa vào bên trong			

TT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
D31.	Không có thức ăn, nước uống bảo quản trong tủ			(**)
D32.	Không có sản phẩm không phải vắc xin, sinh phẩm (như thuốc hóa dược), hóa chất, bệnh phẩm bảo quản trong tủ			(**)
D33.	Không có vắc xin hết hạn bảo quản trong tủ			(**)
D34.	Không có vắc xin gần VVM giai đoạn 3 hoặc 4 bảo quản trong tủ			(**)
D35.	Không có lọ vắc xin đã pha hồi chỉnh, đa liều đã mở trong tủ sau khi kết thúc buổi tiêm chủng			(**)
	<i>Quan sát thực hành tiêm vắc xin</i>			
D36.	Rửa tay/sát khuẩn tay trước khi tiêm	x		
D37.	Chọn và kiểm tra vắc xin đã chỉ định	x		
D38.	Các bước pha hồi chỉnh đúng theo hướng dẫn	x		
D39.	Đối tượng tiêm: ngồi / nằm/ bông đúng tư thế	x		
D40.	Sử dụng bơm kim tiêm phù hợp	x		
D41.	Lắc kỹ lọ vắc xin trước khi rút vào bơm kim tiêm (tùy loại vắc xin đang sử dụng)	x		
D42.	Rút vắc xin đúng liều lượng vào bơm kim tiêm	x		
D43.	Thông báo về loại vắc xin và vị trí tiêm vaccin	x		
D44.	Sát khuẩn vùng da xung quanh vị trí tiêm	x		
D45.	Tiêm đúng vị trí quy định	x		
D46.	Tiêm đúng đường tiêm cho từng loại vắc xin	x		
D47.	Sử dụng gòn khô ấn vào vị trí sau khi rút kim tiêm	x		
D48.	Huỷ bơm kim tiêm đã sử dụng đúng cách	x		
D49.	Tiêm nhiều loại vắc xin cho 1 đối tượng có tiêm ở các vị trí khác nhau	x		
D50.	Theo dõi người được tiêm 30 phút sau tiêm tại cơ sở	x		
D51.	Hướng dẫn người được tiêm/người nhà tiếp tục theo dõi các phản ứng tại nhà ít nhất 24 giờ sau tiêm (Thông tư số 13/2026/TT-BYT)	x		
	<i>Thực hành cuối buổi tiêm, ghi chép mũi tiêm</i>			
D52.	Ghi chép đầy đủ thông tin tiêm chủng vào sổ/phiếu tiêm chủng cá nhân	x		
D53.	Nhập thông tin tiêm chủng vào Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia	x		
D54.	Các lọ đã mở và sử dụng (bao gồm cả lọ vắc xin, sinh phẩm nhiều liều đã mở nhưng chưa sử dụng hết) thải bỏ sau buổi tiêm chủng xử lý theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế	x		
E	Sử dụng Hệ thống thông tin tiêm chủng			
	<i>Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia</i>			
E1.	Có văn bản bàn giao tài khoản cho cá nhân phụ trách	x		

TT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
E2.	Nhập liệu thông tin tiêm chủng hoàn thành trong buổi tiêm	x		
E3.	Đối với cơ sở sanh: nhập, tạo và dán mã tất cả trẻ sanh tại đơn vị	x		
E4.	Cấp mã mới, ghi/dán mã số đã cấp vào sổ tiêm chủng cá nhân và thông tin, hướng dẫn đối tượng về mã tiêm chủng	x		
E5.	Nhập đúng, đầy đủ thông tin cá nhân của đối tượng tiêm chủng: họ tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân; nơi thường trú; địa chỉ chi tiết hiện ở, số điện thoại, tiền sử tiêm chủng,...; thông tin cha, mẹ hoặc người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp đối với người tiêm chủng là trẻ em.	x		(*)
E6.	Triển khai ứng dụng sổ tiêm chủng điện tử cho người dân		x	
E7.	Thực hiện nhập-xuất vắc xin vật tư tiêm chủng trên hệ thống		x	
E8.	Có máy quét mã vạch tiêm chủng <i>(Không bắt buộc)</i>			Ko thực hiện
E9.	Có máy in mã vạch tiêm chủng <i>(Không bắt buộc)</i>			Ko thực hiện
E10.	Bật/Tắt nút “Tạm ngừng gọi tiêm” đúng quy định <i>(Không bắt buộc)</i>			Ko thực hiện
E11.	Thực hiện “lọc trùng” đối tượng <i>(áp dụng cho mô hình TYT)</i>			Ko thực hiện
E12.	Tiến độ “làm sạch” dữ liệu tiêm chủng <i>(áp dụng cho mô hình TYT)</i>	% (...../.....)		Ko thực hiện
	Đánh giá ngẫu nhiên tối thiểu 05 đối tượng được tiêm trong buổi tiêm gần nhất			
E13.	Bao nhiêu đối tượng đã có số định danh cá nhân hợp lệ? Tỷ lệ phần trăm?	5/100%		
E14.	Thống kê số đối tượng còn thiếu từng trường thông tin bắt buộc: Họ tên Ngày/tháng/năm sinh Giới tính Số định danh cá nhân Nơi thường trú Địa chỉ chi tiết hiện ở Số điện thoại Tiền sử tiêm chủng Thông tin cha/mẹ hoặc người giám hộ	0/..... 0/..... 0/..... 0/..... 0/..... 0/..... 0/..... 0/..... 0/.....		
E15.	Có đối tượng mâu thuẫn logic không: ngày tiêm trước ngày sinh, tuổi tiêm không phù hợp với loại vắc xin, mũi sau có ngày trước mũi trước?	0/.....		
E16.	Trong buổi tiêm gần nhất, bao nhiêu mũi tiêm được nhập liệu hoàn thành ngay trong buổi tiêm? Bao nhiêu mũi nhập sau 24 giờ?	0/.....		
E17.	Đối với cơ sở sử dụng phần mềm riêng: có kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu thời gian thực với Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia không? Tần suất đồng bộ thực tế và số bản ghi lỗi đồng bộ?	/.....		x
F	Khu vực bảo quản vắc xin tại Khoa Dược (tủ chần)			

TT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
	<i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị</i>			
F1.	Máy điều hòa nhiệt độ	x		
F2.	Nhiệt độ, độ ẩm khu vực bảo quản	x		(**)
F3.	Máy phát điện dự phòng	x		
F4.	Thiết bị phòng cháy chữa cháy	x		
F5.	Bồn rửa tay (ngoài khu bảo quản), sát khuẩn tay nhanh	x		
F6.	Bảng nội quy kho	x		
F7.	Không có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp	x		
F8.	Khu bảo quản cao ráo, an toàn, sạch sẽ, ngăn nắp, không nấm mốc, sâu bọ, ẩm ướt	x		
F9.	Sổ tủ bảo quản 1. Tủ chuyên dụng 2. Tủ gia dụng 3. Tủ sinh phẩm			02 cái 2. cái 3. cái
F10.	Trang bị nhiệt kế tự ghi theo dõi nhiệt độ bảo quản vắc xin			(**)
F11.	Sổ thiết bị chỉ thị đông băng điện tử (Freeze-tag)	x		cái
F12.	Nhiệt kế tự ghi, tủ bảo quản vắc xin được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định	x		(*)
F13.	Giá kệ để xếp vắc xin, dung môi	x		
F14.	Có bình tích lạnh dự phòng để ở ngăn đá	x		
F15.	Sử dụng hòm lạnh, phích vắc xin để bảo quản, vận chuyển	x		
F16.	Hệ thống cảnh báo khi có sự cố dây chuyền lạnh (chuông báo lớn, tin nhắn báo sự cố...)	x		(*)
	<i>Hồ sơ, thủ tục quản lý</i>			
F17.	Áp phích dây chuyền lạnh	x		
F18.	Đầy đủ các quy trình thao tác chuẩn theo quy định của thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc	x		
F19.	Có bảng theo dõi nhiệt độ cho từng tủ	x		
F20.	Có lưu dữ liệu thiết bị ghi nhiệt độ tự động ít nhất 1 lần/tháng	x		
	<i>Biên bản bảo dưỡng, vệ sinh tủ</i>			
F21.	Mỗi lần nhập, xuất vắc xin có phiếu nhập/xuất và biên bản giao nhận	x		
F22.	Thẻ kho/sổ quản lý theo dõi xuất nhập của từng loại vắc xin	x		
F23.	Thẻ/Sổ quản lý vắc xin cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin	x		
F24.	Có thẻ kho hoặc sổ quản lý xuất-nhập của từng loại dung môi (nếu có sử dụng vắc xin có dung môi cấp rời)	x		
F25.	Sổ lý lịch/nhật ký của từng tủ	x		
	<i>Thực hành bảo quản vắc xin</i>			
F26.	Các chai nước dán nhãn không được uống/bình tích lạnh để ở cửa, ngăn dưới cùng của tủ	x		

TT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
F27.	Các lọ vắc xin lẻ để trong hộp/rô. Không vương vãi trong tủ	x		
F28.	Tất cả vắc xin trong tủ được xếp lên giá hoặc để trong giỏ đựng	x		
F29.	Mỗi ngăn hoặc giỏ có được dán danh mục tên vắc xin bảo quản	x		
F30.	Sắp xếp mỗi loại vắc xin, dung môi nếu có theo loại, lô, hạn dùng	x		
F31.	Sắp xếp vắc xin và dung môi theo hàng, có khoảng trống $\geq 2\text{cm}$ để không khí lưu thông	x		
F32.	Đặt vắc xin và dung môi cách thành tủ 5 đến 8cm	x		
F33.	Sắp xếp vắc xin dễ hỏng với nhiệt độ cao gần nguồn lạnh	x		
F34.	Sắp xếp vắc xin dễ hỏng với nhiệt độ đông băng xa nguồn lạnh	x		
F35.	Xếp vắc xin có hạn dùng gần ra ngoài, hạn dùng xa đưa vào trong	x		
F36.	Không có thức ăn, nước uống bảo quản trong tủ	x		(**)
F37.	Không có sản phẩm không phải vắc xin, sinh phẩm (như thuốc hóa dược), hóa chất, bệnh phẩm bảo quản trong tủ. <i>(Trường hợp khoa dược có trang bị kho lạnh, được bảo quản thuốc hóa dược và vắc xin trong cùng kho nhưng phải bố trí tách biệt).</i>	x		(**)
F38.	Không có vắc xin hết hạn bảo quản trong tủ	x		(**)
F39.	Không có vắc xin gần VVM giai đoạn 3, 4 bảo quản trong tủ	x		(**)
F40.	Số vắc xin tồn khớp với thẻ kho/sổ quản lý và số lượng trên hệ thống tiêm chủng quốc gia.	x		(*)

(*): Tiêu chí bắt buộc, nếu không đạt phải ghi nhận vào biên bản, yêu cầu báo cáo khắc phục.

(**): Tiêu chí bắt buộc, nếu vi phạm lập biên bản tạm ngừng hoạt động tiêm chủng.